TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 172/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 172/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đặng Văn Nh, sinh năm 1995; Căn cước công dân số 046095011XXX, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Huế;

- Chị Mai Thị Th, sinh năm 2001; Căn cước số 046301012XXX, cấp ngày 18/12/2025, nơi cấp: Bộ Công an; địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nay là UBND xã C, thành phố Huế vào ngày 13 tháng 3 năm 2020 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 19). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh Nh và chị Th thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, anh Nh và chị Th tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th.

[2] Về con chung: Anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th có 01 người con chung là cháu Đặng Hoàng Bảo C, sinh ngày 23/4/2020. Anh Nh và chị Th thoả thuận giao cháu Đặng Hoàng Bảo C cho chị Mai Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đặng Hoàng Bảo C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th công nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th thỏa thuận, anh Nh nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, chị Thúy nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Hoàng Bảo C cho chị Mai Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đặng Hoàng Bảo C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Đặng Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Văn Nh và chị Mai Thị Th công nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Đặng Văn Nh phải chịu 150.000 đồng và chị Mai Thị Th phải chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001343 và 0001344, ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nh và chị Th đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND xã C, thành phố Huế *(ĐKKH ngày 13/02/2020 tại UBND Thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ);*
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Tú